

Tăng tỷ trọng

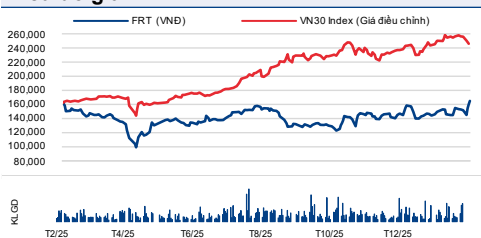
Giá mục tiêu: VNĐ170,000

Tiềm năng tăng/giảm: 3.0%

Giá cổ phiếu (đồng) (29/1/2026)	165,000
Mã Bloomberg	FRT VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	99,280-165,000
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	156,275
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	28,100
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	1,078
Sig CP lưu hành (tr.đv)	170
Sig CP NN được sở hữu (tr.đv)	83.4
Sig CP NN được mua (tr.đv)	27.6
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	32.8%
Tỷ lệ freefloat	47.7%
Cổ đông lớn	Công ty Cổ phần FPT (46.5%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	40,104	49,830	58,330
EBITDA đc (tỷ đồng)	952	1,727	2,156
LNTT (tỷ đồng)	527	1,170	1,662
LNT ĐC (tỷ đồng)	318	723	1,033
FCF (tỷ đồng)	137	1,898	350
EPS ĐC (đồng)	1,864	4,248	6,068
DPS (đồng)	0	500	1,000
BVPS (đồng)	14,032	16,974	22,042
T.trưởng EBITDA (%)	1,226	81.4	24.9
T.trưởng EPS ĐC (%)	192	128	42.8
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	100
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	2.37	3.46	3.70
Tỷ suất LNTT (%)	1.31	2.35	2.85
Tỷ suất LNT ĐC (%)	0.79	1.45	1.77
Tỷ lệ LN trả CT (%)	0	11.8	16.5
Nợ thuần/VCSH (%)	353	304	230
ROAE (%)	18.1	30.1	31.1
ROACE (%)	35.9	50.1	45.6
EV/doanh thu (lần)	0.73	0.74	0.63
EV/EBITDA ĐC (lần)	30.7	21.3	17.0
P/E ĐC (lần)	88.5	38.8	27.2
P/B (lần)	11.8	9.72	7.49
Lợi suất cổ tức (%)	0	0.30	0.61

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

FRT là nhà bán lẻ dược phẩm hàng đầu Việt Nam. Tại thời điểm cuối quý 2/2025, công ty có 2.191 nhà thuốc Long Châu và 625 cửa hàng điện thoại FPT Shop.

Chuyên viên phân tích

Trần Hương Mỹ

Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng

my.th@hsc.com.vn

+84 28 3823 3299 Ext. 362

KQKD Q4/2025: Tích cực hơn kỳ vọng

- KQKD Q4/2025 tích cực và vượt dự báo. Doanh thu thuần đạt 14.913 tỷ đồng, tăng 30% so với cùng kỳ và 14% so với quý trước, cao hơn 9% so với dự báo của HSC ở mức 13.660 tỷ đồng. Trong khi đó, lợi nhuận thuần đạt 290 tỷ đồng, tăng mạnh 161% so với cùng kỳ và 32% so với quý trước, cao hơn 33% so với dự báo của chúng tôi ở mức 218 tỷ đồng.
- Kết quả vượt trội này đến từ mức đóng góp cao hơn kỳ vọng của cả chuỗi Long Châu và chuỗi FPT Shop. Chuỗi Long Châu tiếp tục mở rộng mạng lưới đồng thời cải thiện hiệu quả hoạt động tại cấp cửa hàng, trong khi chuỗi FPT Shop ghi nhận sự phục hồi lợi nhuận rõ nét hơn dự kiến khi nhu cầu CNTT-TT dần trở lại trạng thái bình thường.
- Sau khi tăng 14% trong 3 tháng qua, giá cổ phiếu FRT gần như đã chạm giá mục tiêu của chúng tôi và đang giao dịch với P/E dự phóng năm 2026 ở mức 27,2 lần. HSC đang xem xét lại giá mục tiêu và khuyến nghị.

Sự kiện: Công bố KQKD Q4/2025

FRT ghi nhận doanh thu thuần hợp nhất Q4/2025 đạt 14.913 tỷ đồng (tăng 30% so với cùng kỳ và 14% so với quý trước), cao hơn 9% so với dự báo của HSC ở mức 13.660 tỷ đồng. Lợi nhuận thuần đạt 290 tỷ đồng (tăng mạnh 161% so với cùng kỳ và 32% so với quý trước), vượt 33% so với dự báo của chúng tôi ở mức 218 tỷ đồng.

KQKD vượt dự báo nhờ mức đóng góp cao hơn kỳ vọng từ cả Long Châu và FPT Shop; trong đó Long Châu duy trì mở rộng mạng lưới đồng thời cải thiện năng suất tại cấp cửa hàng, còn FPT Shop ghi nhận sự phục hồi lợi nhuận rõ rệt hơn dự kiến khi nhu cầu CNTT-TT dần trở lại trạng thái bình thường.

Chuỗi Long Châu: Tăng trưởng mạnh, vượt kỳ vọng

Long Châu (bao gồm chuỗi nhà thuốc và tiệm chũm) ghi nhận doanh thu Q4/2025 đạt 9.697 tỷ đồng (tăng 34% so với cùng kỳ và 11% so với quý trước), cao hơn 6% so với dự báo của HSC ở mức 9.167 tỷ đồng; LNST đạt 245 tỷ đồng (tăng 105% so với cùng kỳ và 11% so với quý trước), sát với dự báo ở mức 244 tỷ đồng.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 31/1.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q4/2025 hợp nhất, FRT

Tỷ đồng	Q4/25	Sv cùng kỳ	Q4/25F	% dự báo	2025	Tăng trưởng	2025F	% dự báo
Doanh thu thuần	14,913	30%	13,660	109%	51,083	27%	49,830	103%
Lợi nhuận gộp	2,875	39%	2,688	107%	10,010	32%	9,823	102%
Chi phí BH&QL	(2,455)	31%	(2,230)	110%	(5,340)	-23%	(8,471)	63%
EBIT	420	106%	459	92%	4,669	577%	1,353	345%
Lỗ tài chính	(2)	-95%	(93)	2%	(101)	-31%	(192)	53%
LNTT	(106)	-163%	365	-29%	1,219	131%	1,170	104%
LNST	(2)	-101%	270	-1%	984	141%	906	109%
Lợi nhuận thuần	290	161%	218	133%	795	150%	723	110%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	19.3%		19.7%		19.6%		19.7%	
Chi phí BH&QL / doanh thu	-16.5%		-16.3%		-10.5%		-17.0%	
Tỷ suất lợi nhuận thuần	1.9%		1.6%		1.6%		1.5%	

Nguồn: FRT, HSC ước tính

Chúng tôi ước tính doanh thu thuần của chuỗi nhà thuốc đạt 8.892 tỷ đồng (tăng 30% so với cùng kỳ và 11% so với quý trước). Mặc dù số lượng cửa hàng tăng mạnh lên 2.417 cửa hàng (tăng 24% so với cùng kỳ và 4% so với quý trước), doanh thu bình quân mỗi cửa hàng vẫn duy trì ở mức 1,25 tỷ đồng/tháng (tăng 4% so với cùng kỳ và 5% so với quý trước), cho thấy doanh thu cửa hàng cũ tăng trưởng tích cực (khoảng 8,5% đối với các cửa hàng hoạt động từ 1 năm trở lên theo ước tính của chúng tôi). Kết quả này phản ánh hiệu quả của các sáng kiến thúc đẩy lưu lượng khách và khả năng thu hút khách hàng mới tốt hơn. Doanh thu thực tế bình quân mỗi cửa hàng cao hơn so với dự báo của chúng tôi ở mức 1,18 tỷ đồng/tháng.

Tỷ suất lợi nhuận gộp mở rộng lên 23,6% (từ 21,1% trong Q4/2024 và 23% trong Q3/2025), được hỗ trợ nhờ lợi thế quy mô và sự dịch chuyển nhẹ trong cơ cấu sản phẩm sang các mặt hàng không phải dược phẩm, trong khi mô hình kinh doanh vẫn duy trì tỷ trọng được phẩm trên 50%. Tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý trên doanh thu tăng lên mức 19,5% (so với 18,4% trong Q4/2024 và 19,2% trong Q3/2025) do việc mở rộng mạng lưới nhanh chóng làm gia tăng chi phí nhân công (tăng 40% so với cùng kỳ) và chi phí thuê mặt bằng, tuy nhiên vẫn ở mức có thể kiểm soát so với tốc độ tăng trưởng doanh thu.

Chuỗi FPT Shop: Đà phục hồi tiếp diễn, vượt dự báo

FPT Shop ghi nhận doanh thu Q4/2025 đạt 5.259 tỷ đồng (tăng 25% so với cùng kỳ và 19% so với quý trước), cao hơn 18% so với dự báo của HSC ở mức 4.454 tỷ đồng; trong khi LNST đạt 79 tỷ đồng (tăng gấp 6 lần so với cùng kỳ và gấp 2 lần so với quý trước), cao hơn đáng kể so với dự báo của chúng tôi ở mức 27 tỷ đồng. Sự cải thiện đến từ việc ra mắt thành công dòng iPhone 17 của Apple (chiếm hơn 50% doanh thu của chuỗi trong Q4/2025), cùng với nhu cầu tăng mạnh đối với các sản phẩm thông minh (như máy tính xách tay tích hợp AI) và các thiết bị IoT nói chung. Lưu lượng khách hàng cũng được thúc đẩy nhờ các dịch vụ lắp đặt và các gói bán kèm SIM.

Các hoạt động được triển khai này tập trung vào nâng cao hiệu quả chi phí và phục hồi tỷ suất lợi nhuận thay vì mở rộng mạng lưới cửa hàng, qua đó giúp giảm bớt áp lực về chi phí cố định. Tính đến ngày 31/12, số lượng cửa hàng FPT Shop nhìn chung duy trì ổn định ở mức 624 cửa hàng, trong khi doanh thu bình quân mỗi cửa hàng tăng mạnh lên 2,8 tỷ đồng/tháng, từ mức 2,2 tỷ đồng trong Q4/2024 và 2,4 tỷ đồng trong Q3/2025.

Tỷ suất lợi nhuận hợp nhất

Nhờ tỷ suất lợi nhuận gộp tại chuỗi Long Châu cải thiện, tỷ suất lợi nhuận gộp hợp nhất tăng lên mức 19,3% (từ 18,1% trong Q4/2024), qua đó đóng góp vào mức tăng mạnh của EBIT lên 420 tỷ đồng (tăng 106% so với cùng kỳ). Tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý trên doanh thu của Tập đoàn chỉ tăng nhẹ 0,2 điểm phần trăm so với cùng kỳ lên 16,5%, phản ánh sự bù trừ giữa chi phí mở rộng của Long Châu và hiệu quả hoạt động cải thiện tại FPT Shop.

Lỗ tài chính giảm mạnh so với Q4/2024 (2 tỷ đồng so với 43 tỷ đồng). Nhờ tỷ suất lợi nhuận gộp cải thiện và lỗ tài chính giảm, tỷ suất lợi nhuận thuần tăng lên mức 1,9% (so với 1,0% trong Q4/2024).

Xem xét lại giá mục tiêu và khuyến nghị

HSC đang xem xét lại giá mục tiêu và khuyến nghị đối với FRT.

Bảng 2: KQKD Q4/2025, Long Châu

Tỷ đồng	Q4/25	Sv cùng kỳ	Q4/25F	% dự báo	2025	Tăng trưởng	2025F	% dự báo
Doanh thu thuần	9,697	34%	9,167	106%	34,501	34%	33,971	102%
Lợi nhuận gộp	2,289	50%	2,209	104%	7,983	29%	7,902	101%
Chi phí BH&QL	(1,893)	42%	(1,818)	104%	(6,633)	20%	(6,629)	100%
EBIT	396	105%	391	101%	1,349	102%	1,273	106%
LNST	245	105%	244	100%	878	87%	877	100%
Số lượng cửa hàng-hiệu thuốc	2,417	24%	2,388		2,417	24%	2,388	101%
Doanh thu mỗi cửa hàng-hiệu thuốc hàng tháng	1.25	4%	1.18		1.26	6%	1.17	107%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	23.6%		24.1%		23.1%		23.3%	
Chi phí BH&QL / doanh thu	-19.5%		-19.8%		-19.2%		-19.5%	
Tỷ suất lợi nhuận thuần	2.5%		2.7%		2.5%		2.6%	

Nguồn: FRT, HSC ước tính

Bảng 3: KQKD Q4/2025, FPT Shop

Tỷ đồng	Q4/25	Sv cùng kỳ	Q4/25F	% dự báo	2025	Tăng trưởng	2025F	% dự báo
Doanh thu thuần	5,259	25%	4,454	118%	16,809	11%	16,005	105%
Lợi nhuận gộp	581	6%	498	117%	1,423	-30%	1,921	74%
Chi phí BH&QL	(489)	-6%	(473)	103%	(1,369)	-32%	(1,842)	74%
EBIT	92	207%	25	363%	54	Đảo chiều	79	68%
LNST	79	458%	27	297%	81	Đảo chiều	29	280%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	11.0 %		11.2%		8.5%		12.0%	
Chi phí BH&QL / doanh thu	-9.3%		-10.6%		-8.1%		-11.5%	
Tỷ suất lợi nhuận thuần	1.5%		0.6%		0.5%		0.2%	

Nguồn: FRT, HSC ước tính

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	31,850	40,104	49,830	58,330	65,084
Lợi nhuận gộp	5,162	7,583	9,823	11,645	13,131
Chi phí BH&QL	(5,246)	(6,893)	(8,471)	(9,885)	(10,901)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	(84.5)	690	1,353	1,761	2,230
Lãi vay thuần	(222)	(157)	(236)	(144)	(143)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	12.4	(5.76)	53.3	45.3	46.4
LNTT	(294)	527	1,170	1,662	2,133
Chi phí thuế TNDN	(35.0)	(119)	(263)	(332)	(427)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(16.4)	(90.9)	(183)	(297)	(383)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	(346)	318	723	1,033	1,324
Lợi nhuận thuần ĐC	(346)	318	723	1,033	1,324
EBITDA ĐC	(84.5)	952	1,727	2,156	2,569
EPS (đồng)	(2,030)	1,864	4,248	6,068	7,773
EPS ĐC (đồng)	(2,030)	1,864	4,248	6,068	7,773
DPS (đồng)	0	0	500	1,000	1,500
Slg CP bình quân (triệu đv)	136	136	170	170	170
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	136	136	170	170	170
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	170	170	170	170	170

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	961	2,098	189	333	1,639
Đầu tư ngắn hạn	1,194	986	4,800	4,800	4,800
Phải thu khách hàng	126	176	219	256	286
Hàng tồn kho	8,427	10,235	11,540	13,425	14,708
Các tài sản ngắn hạn khác	708	531	542	553	564
Tổng tài sản ngắn hạn	11,415	14,026	17,290	19,367	21,996
TSCĐ hữu hình	1,079	1,157	1,117	948	763
TSCĐ vô hình	172	228	289	282	275
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	0	0	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	432	422	194	214	236
Tổng tài sản dài hạn	1,683	1,806	1,600	1,445	1,275
Tổng cộng tài sản	13,098	15,833	18,890	20,812	23,271
Nợ ngắn hạn	8,108	8,800	8,919	8,919	8,916
Phải trả người bán	2,274	3,202	4,485	5,250	5,858
Nợ ngắn hạn khác	921	1,541	1,999	1,923	2,258
Tổng nợ ngắn hạn	11,379	13,712	15,608	16,371	17,379
Nợ dài hạn	0	0	0.00	0.00	0.00
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0.01	0.03	0	0	0
Nợ dài hạn khác	0.54	0.52	0.17	0.17	0.17
Tổng nợ dài hạn	0.56	0.55	0.17	0.17	0.17
Tổng nợ phải trả	11,379	13,713	15,608	16,371	17,379
Vốn chủ sở hữu	1,599	1,912	2,891	3,754	4,822
Lợi ích cổ đông thiểu số	120	208	391	687	1,070
Tổng vốn chủ sở hữu	1,719	2,120	3,282	4,441	5,892
Tổng nợ phải trả và VCSH	13,098	15,833	18,890	20,812	23,271
BVPS (đ)	11,738	14,032	16,974	22,042	28,315
Nợ thuần/(tiền mặt)	7,147	6,703	8,730	8,586	7,278

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	(84.5)	690	1,353	1,761	2,230
Khấu hao	0	(262)	(374)	(396)	(339)
Lãi vay thuần	(222)	(157)	(236)	(144)	(143)
Thuế TNDN đã nộp	(0.11)	(38.9)	(263)	(332)	(427)
Thay đổi vốn lưu động	(1,848)	(681)	419	(1,171)	(312)
Khác	329	553	571	60.9	61.0
LCT thuần từ HKKD	(1,826)	627	2,217	571	1,748
Đầu tư TS dài hạn	(705)	(490)	(319)	(221)	(147)
Góp vốn & đầu tư	33.6	310	(3,806)	0	0
Thanh lý	0	0	0	0	0
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(672)	(180)	(4,125)	(221)	(147)
Cổ tức trả cho CSH	(59.2)	(54.3)	(85.2)	(170)	(255)
Thu từ phát hành CP	27.3	51.6	0	0	0
Tăng/giảm nợ	2,745	692	119	0	(2.85)
Khác	-	-	-	-	-
LCT thuần từ HĐTC	2,713	689	33.5	(170)	(258)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	746	961	2,098	189	333
LCT thuần trong kỳ	215	1,137	(1,874)	180	1,342
Ảnh hưởng của tỷ giá	0.07	0.16	(34.7)	(35.7)	(36.8)
Tiền & tương đương tiền cuối kì	961	2,098	189	333	1,639
Dòng tiền tự do	(2,531)	137	1,898	350	1,601

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	16.2	18.9	19.7	20.0	20.2
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	(0.27)	2.37	3.46	3.70	3.95
Tỷ suất LNT (%)	(1.09)	0.79	1.45	1.77	2.03
Thuế TNDN hiện hành (%)	(11.9)	22.5	22.5	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	5.58	25.9	24.3	17.1	11.6
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(115)	1,226	81.4	24.9	19.1
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(189)	192	128	42.8	28.1
Tăng trưởng EPS (%)	(189)	192	128	42.8	28.1
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(189)	192	128	42.8	28.1
Tăng trưởng DPS (%)	(100)	nm	nm	100	50.0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	11.8	16.5	19.3
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	(19.2)	18.1	30.1	31.1	30.9
ROACE (%)	(4.48)	35.9	50.1	45.6	43.2
Vòng quay tài sản (lần)	2.70	2.77	2.87	2.94	2.95
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	21.6	0.91	1.64	0.32	0.78
Số ngày tồn kho	115	115	105	105	103
Số ngày phải thu	1.72	1.98	2.00	2.00	2.01
Số ngày phải trả	31.1	35.9	40.9	41.0	41.2
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	449	353	304	230	152
Nợ/tài sản (%)	62.2	55.9	47.5	43.2	38.6
EBIT/lãi vay (lần)	(0.38)	4.39	5.72	12.3	15.5
Nợ/EBITDA (lần)	(96.4)	9.29	5.20	4.17	3.50
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.00	1.02	1.11	1.18	1.27
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.93	0.73	0.74	0.63	0.54
EV/EBITDA ĐC (lần)	(351)	30.7	21.3	17.0	13.8
P/E (lần)	N/a	88.5	38.8	27.2	21.2
P/E ĐC (lần)	N/a	88.5	38.8	27.2	21.2
P/B (lần)	14.1	11.8	9.72	7.49	5.83
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0.30	0.61	0.91

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn